

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ KBANG

Số: 25 /NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kbang, ngày 17 tháng 9 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về việc quyết định dự toán ngân sách nhà nước năm 2025
của xã Kbang sau sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ KBANG KHÓA I, KỲ HỌP THỨ BA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 1664/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XV về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Gia Lai năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 440/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai (trước sắp xếp) về việc thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 499/NQ-HĐND ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai (trước sắp xếp) về việc điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc quyết định áp dụng nghị quyết phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước giữa các cấp chính quyền địa phương tỉnh Gia Lai; Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc quyết định dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 tỉnh Gia Lai sau sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 930/QĐ-UBND ngày 27 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Gia Lai về giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Xét Tờ trình số 56/TTr-UBND ngày 08 tháng 9 năm 2025 của UBND xã Kbang về việc quyết định dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 sau sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã; Báo cáo thẩm tra số 19 /BC-KTNS ngày 16 tháng 9 năm 2025 của Ban Kinh tế- Ngân sách Hội đồng nhân dân xã và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân xã khóa I tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Công nhận và thống nhất quyết định dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 của xã Kbang sau sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã như nội dung Tờ

trình số 56/TTr-UBND ngày 08 tháng 9 năm 2025 của UBND xã Kbang, cụ thể như sau:

I. Dự toán thu NSNN trên địa bàn xã năm 2025:	34.296.000.000 đồng.
- Ngân sách Tỉnh hưởng theo phân cấp:	29.492.000.000 đồng.
- Ngân sách Xã hưởng theo phân cấp:	4.804.000.000 đồng.

II. Dự toán thu, chi ngân sách xã năm 2025:

1. Dự toán thu ngân sách xã năm 2025:

Tổng thu ngân sách xã:	85.929.000.000 đồng.
- Thu ngân sách xã hưởng:	4.804.000.000 đồng.
+ Các khoản thu xã hưởng 100%:	4.660.000.000 đồng.
+ Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ:	144.000.000 đồng.
- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên:	81.125.000.000 đồng.
+ Bổ sung cân đối:	22.084.000.000 đồng.
+ Bổ sung có mục tiêu:	305.000.000 đồng.
+ Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chi đầu tư, chi TX:	58.736.000.000 đồng.

2. Dự toán chi ngân sách xã năm 2025:

2. Dự toán chi ngân sách xã năm 2025:	85.929.000.000 đồng.
- Chi đầu tư phát triển (Tiền sử dụng đất):	144.000.000 đồng.
- Chi thường xuyên:	85.197.991.000 đồng.
- Dự phòng ngân sách:	282.009.000 đồng.
- Chi nguồn Bổ sung mục tiêu:	305.000.000 đồng.
+ Chi thực hiện chương trình MTQG Xây dựng NTM:	260.000.000 đồng.

+ Chi kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo an ninh trật tự an toàn giao thông:
45.000.000 đồng

III. Phương án phân bổ ngân sách xã

- Giữ nguyên trạng từ dự toán ngân sách của 03 đơn vị hành chính cũ (xã Lơ Ku, xã Đăk Smar và Thị trấn Kbang và nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu đưa vào chi thường xuyên như: Bổ sung kinh phí cho các trường học thuộc xã quản lý, bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã, bổ sung kinh phí đảm bảo xã hội, bổ sung kinh phí hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, bổ sung kinh phí hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội tại Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai và Quyết định số 930/QĐ-UBND ngày 27 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Gia Lai).

- Bố trí dự toán chi Sự nghiệp giáo dục và đào tạo năm 2025 sau khi sắp xếp bằng định mức Tỉnh giao.

- Bổ sung dự phòng ngân sách xã bằng dự toán của 3 xã ~~trên địa bàn~~ tại trước sắp xếp.

- Bố trí kinh phí để thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên 7 tháng cuối năm theo Nghị quyết số 173/NQ-CP ngày 13/6/2025 của Chính phủ.

- Đối với các cơ quan quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể xã:

+ Phân bổ đủ quỹ tiền lương ngạch bậc, các khoản phụ cấp theo lương, các khoản đóng góp theo chế độ quy định của số biên chế có mặt đến thời điểm sắp xếp tính theo mức lương cơ sở 2.340.000 đồng.

+ Chi thường xuyên phân bổ theo số biên chế giao: 10 triệu đồng /01 biên chế.

+ Các khoản chi đặc thù, điều hành chung cho Thường trực Đảng ủy xã, Hội đồng nhân dân xã, Ủy ban nhân dân xã và các nhiệm vụ, nội dung theo khả năng ngân sách được giao năm 2025.

(Có Dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 chi tiết kèm theo).

* Trong quá trình phân bổ, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước: Giao Ủy ban nhân dân xã phân bổ, giao dự toán chi đối với các khoản kinh phí chưa phân bổ chi tiết về đơn vị bảo đảm kịp thời, tiết kiệm, hiệu quả, tuân thủ đúng quy định của pháp luật, định kỳ báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân xã và báo cáo Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp gần nhất. Trường hợp cần xử lý các nhu cầu phát sinh cần xin ý kiến Thường trực Hội đồng nhân dân xã, Ủy ban nhân dân xã báo cáo, trình Thường trực Hội đồng nhân dân xã xem xét, quyết định đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

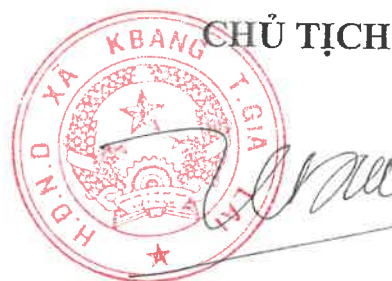
1. Giao UBND xã tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban Hội đồng nhân dân xã, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân xã khóa I, tại kỳ họp thứ Ba thông qua ngày 17 tháng 9 năm 2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Tổ đại biểu số 7 HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Ủy ban nhân dân xã;
- UBMTTQ Việt Nam xã;
- Tổ đại biểu HĐND, Đại biểu HĐND xã;
- Các cơ quan đơn vị xã;
- Trang thông tin điện tử xã;
- Lưu: Văn phòng HĐND và UBND xã./



Nguyễn Thanh Dũng

CÁN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 17 tháng 9 năm 2025 của HĐND xã Kbang)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Chi chú
A	B	I	2
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	85.929.000	
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	4.804.000	
-	Thu NSDP hưởng 100%	4.660.000	
-	Thu NS Địa phương hưởng từ các khoản thu phân chia	144.000	
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	81.125.000	
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	22.084.000	
2	Thu bổ sung có mục tiêu	305.000	
3	Thu bổ sung có mục tiêu đưa vào chi đầu tư và chi thường xuyên	58.736.000	
B	TỔNG CHI NSDP	85.929.000	
I	Tổng chi cân đối NSDP	85.624.000	
1	Chi đầu tư phát triển	144.000	
2	Chi thường xuyên	85.198.000	
3	Dự phòng ngân sách	282.000	
II	Chi các chương trình mục tiêu	305.000	
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	260.000	
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	45.000	
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau	-	
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP	-	

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ KBANG

Phụ lục số 02

DỰ TOÁN THU NGAN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 25 /NQ-HĐND ngày 17 tháng 9 năm 2025 của HĐND xã Kbang

Đơn vị: 1.000 đồng

S TT	Nội dung	Dự toán Tinh giao	Dự toán xã lập Trình HĐND xã	Trong đó:		Tỷ lệ xã lập/tinh giao (%)
				Tinh hưởng	xã hưởng	
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	34.296.000	34.296.000	29.492.000	4.804.000	100,0%
-	<i>Thu NS TW hưởng</i>					
-	<i>Thu NS tỉnh hưởng theo phân cấp</i>	29.492.000	29.492.000			100,0%
-	<i>Thu NS xã hưởng theo phân cấp</i>	4.804.000	4.804.000		4.804.000	100,0%
	<i>Trong đó: Thu tiền sử dụng đất hưởng theo phân cấp</i>	144.000	144.000		144.000	
*)	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	34.296.000	34.296.000	29.492.000	4.804.000	100,0%
1	Thu từ DNNN Trung ương	0	0	0	0	0,0%
a	Thuế giá trị gia tăng					
b	Thuế thu nhập doanh nghiệp					
c	Thuế tài nguyên					
2	Thu từ DNNN Địa phương	0	0	0	0	0,0%
a	Thuế giá trị gia tăng					
b	Thuế thu nhập doanh nghiệp					
c	Thuế tài nguyên					
3	Thuế CTN và DV Ngoài quốc doanh	15.604.000	15.604.000	15.020.100	583.900	100,0%
a	Thuế giá trị gia tăng	12.608.000	12.608.000	12.080.100	527.900	100,0%
b	Thuế thu nhập doanh nghiệp	716.000	716.000	716.000		100,0%
c	Thuế TTDB hàng nội địa	100.000	100.000	44.000	56.000	100,0%
d	Thuế tài nguyên	2.180.000	2.180.000	2.180.000		100,0%
4	Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	300.000	300.000	300.000	0	100,0%
5	Thuế nhà đất/Thuế đất phi Nông nghiệp	100.000	100.000	0	100.000	100,0%
6	Thu tiền sử dụng đất	6.400.000	6.400.000	6.256.000	144.000	100,0%
a	Dự án do ngân sách cấp tính đầu tư và thu từ các tổ chức kinh tế					

-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyên về cấp xã	4.595.000	4.595.000	0	4.595.000	100,0%
	<i>Trong đó:</i>					
+	<i>Tiền lương, phụ cấp, đóng góp</i>	3.804.000	3.804.000		3.804.000	100,0%
+	<i>Quỹ tiền thưởng</i>	374.000	374.000		374.000	100,0%
+	<i>Kinh phí hoạt động</i>	417.000	417.000		417.000	100,0%
-	Kinh phí bổ sung mục tiêu nhiệm vụ	6.730.000	6.730.000	0	6.730.000	100,0%
+	<i>Kinh phí bảo trợ xã hội</i>	5.399.000	5.399.000		5.399.000	100,0%
+	Hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ	1.119.000	1.119.000		1.119.000	100,0%
+	Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách	212.000	212.000		212.000	100,0%

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CHI NGÂN SÁCH SAU SẮP XẾP NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 17 tháng 9 năm 2025 của HĐND xã Kbang)



Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Quyết toán chi 3 xã trước sắp xếp đến ngày 30/6/2025	Dự toán 6 tháng cuối năm 2025	Ghi chú
	B	1	2	3	4
1	Chi đầu tư phát triển cho chương trình, dự án theo lĩnh vực	144.000	-	144.000	
-	Chi Các hoạt động kinh tế	144.000		144.000	
2	Chi thường xuyên	85.197.991	12.860.258	72.337.733	
-	Chi Quốc phòng	1.070.817	658.787	412.030	Phụ lục 04
-	Chi An ninh và trật tự an toàn xã hội	1.860.831	889.371	971.460	Phụ lục 04
-	Chi Giáo dục - đào tạo và dạy nghề	48.783.828	47.542	48.736.286	Phụ lục 05
-	Chi Y tế, dân số và gia đình	226.024	109.512	116.512	Phụ lục 06
-	Chi Văn hóa thông tin (điều chỉnh nhiệm vụ chi khu dân cư về mặt trận xã chi)	149.972	56.984	92.988	Phụ lục 06
-	Chi Phát thanh, truyền hình, thông tấn	34.720		34.720	Phụ lục 06
-	Chi Thể dục thể thao	104.335	300	104.035	Phụ lục 06
-	Chi Bảo vệ môi trường	77.800	10.500	67.300	Phụ lục 06
-	Chi Các hoạt động kinh tế	244.415	126.960	117.455	Phụ lục 06
-	Chi Hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, Đoàn thể	26.880.456	10.881.510	15.998.946	Phụ lục 04
-	Chi Bảo đảm xã hội	5.714.793	78.792	5.636.001	Phụ lục 06
-	Chi khác ngân sách	50.000		50.000	Phụ lục 04

DỰ TOÁN CHI QUỐC PHÒNG; CHI AN NINH VÀ TRẬT TỰ XÃ HỘI; CHI QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NĂM 2025
(Kèm theo Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 17 tháng 9 năm 2025 của HĐND xã Kbang)

Đơn vị: 1.000 đồng

Nhiệm vụ/Đơn vị	Biên chế giao	Cơ mật	Dự toán giao năm 2025	Trong đó							Chưa phân bổ (*)	Ghi chú
				Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	Trong đó		Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	Trong đó		Chưa phân bổ (*)		
					Quy lương	Chi thường xuyên		Chi thường xuyên	Chi thường xuyên			
	C	D	I=2+5	2=3+4	3	4	5=6+7	6	7	8	9	
Chi Quốc phòng (Văn phòng HĐND - UBND)			412.030	-	-	-	412.030	332.730	79.300	-		
Chi An ninh và trật tự an toàn xã hội (Văn phòng HĐND - UBND)			971.460	-	-	-	-	879.750	91.710	-		
Quản lý hành chính			15.998.946	8.241.088	6.546.668	1.694.420	6.271.939	3.912.993	2.358.946	1.485.919		
Văn phòng HĐND- UBND	16	16	4.337.340	1.761.972	1.196.972	565.000	2.575.368	1.964.898	610.470	-		
Phòng Kinh tế	10	10	855.178	719.148	619.148	100.000	136.030	-	136.030	-		
Phòng Văn hóa - Xã hội	10	10	1.879.028	1.494.059	1.314.059	180.000	384.969	-	384.969	-		
Trung tâm Phục vụ hành chính công	8	8	644.704	586.904	506.904	80.000	57.800	-	57.800	-		
Văn phòng Huyện			3.211.638	2.434.005	1.834.585	599.420	777.633	124.000	653.633	-		
Cy ban Mặt trận TQVN			3.585.139	1.245.000	1.075.000	170.000	2.340.139	1.824.095	516.044	-		
Chưa phân bổ			1.485.919	-	-	-	-	-	-	1.485.919		
Trong đó												
10% tiết kiệm chi thường xuyên giao đầu năm thực hiện CCTL (Phòng tài chính huyện đã trừ trong quỹ lương giao đầu năm cho xã)			165.000							165.000		
Tiết kiệm 10% theo Nghị quyết số 173/NQ-CP ngày 13/6/2025 của Chính phủ			105.288							105.288		
Dự phòng ngân sách			198.993	-	-	-	-	-	-	198.993		
Chi khác ngân sách			50.000							50.000		
Chi nguồn Bổ sung mục tiêu: kinh phí đảm bảo hoạt động của Ban ATGT			45.000	-			45.000		45.000			
Phòng Kinh tế			45.000				45.000		45.000			
TỔNG DỰ TOÁN			17.676.429	8.241.088	6.546.668	1.694.420	6.728.969	5.125.473	2.574.956	1.734.912		

Chi chú: (*) Giao UBND xã phân bổ, giao dự toán chi đối với các khoản chưa phân bổ chi tiết bảo đảm kịp thời, tiết kiệm, hiệu quả, tuân thủ đúng quy định của pháp luật, định kỳ báo Thường trực Hội đồng nhân dân và báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp tại kỳ họp gần nhất./.

DỰ TOÁN CHỈ SỬ NGHỆT GIAO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 3/NQ-HĐND ngày 17 tháng 9 năm 2025 của HĐND xã Kbang)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Đơn vị	Dự toán còn lại phân bổ sau sắp xếp	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	Trong đó			Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	Trong đó		Ghi chú
				Quy lương	Chi thường xuyến	Chi thường xuyến		Quy lương	Chi thường xuyến	
		1=2+5	2=3+4	3	4	5=6+7	6	7	8	
A	B									
1	CÁC ĐƠN VỊ TRƯỜNG HỌC	47.411.000	37.549.429	34.337.371	3.212.058	9.861.571	0	9.861.571		
1	Trường Mầm non 1-5	2.889.039	2.605.168	2.280.229	324.939	283.871	-	283.871		
2	Trường Mẫu giáo Bông Hồng I	3.029.106	2.639.775	2.396.685	243.090	389.331	-	389.331		
3	Trường Mẫu giáo Bông Hồng II	1.953.223	1.645.409	1.572.615	72.794	307.814	-	307.814		
4	Trường Tiểu giáo Lơ Ku	2.995.225	2.523.528	2.378.118	145.410	471.697	-	471.697		
5	Trường Mẫu giáo Đăk Smar	1.508.524	1.255.605	1.030.263	225.342	252.919	-	252.919		
6	Trường PTDT Bán trú TH-THCS Đăk Smar	3.019.381	2.259.337	2.050.827	208.510	760.044	-	760.044		
7	Trường TH Nguyễn Thị Minh Khai	4.062.693	3.679.369	3.406.085	273.284	383.324	-	383.324		
8	Trường TH Lý Tự Trọng	3.999.240	3.572.977	3.453.012	119.965	426.263	-	426.263		
9	Trường TH Kim Đồng	3.816.994	3.451.168	3.154.612	296.556	365.826	-	365.826		
10	Trường PTDT Bán trú TH-THCS Lơ Ku	5.022.528	4.016.038	3.660.098	355.940	1.006.490	-	1.006.490		
11	Trường THCS Lê Quý Đôn	2.881.414	2.530.738	2.322.229	208.509	350.676	-	350.676		
12	Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm	5.036.573	4.561.979	4.194.917	367.062	474.594	-	474.594		
13	Trường THCS Dân tộc Nội trú KBang	7.197.060	2.808.338	2.437.681	370.657	4.388.722	-	4.388.722		
II	KINH PHÍ CHƯA PHÂN BỐ	1.119.000	-	-	-	-	-	1.119.000		
1	Kinh phí hỗ trợ học tập theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP	1.119.000	-	-	-	1.119.000	-	1.119.000		(*)
III	PHÒNG VĂN HOÁ- XÃ HỘI	206.286	-	-	-	-	-	206.286		
1	Sự nghiệp giáo dục khác theo quy định của pháp luật	206.286	-	-	-	206.286	-	206.286		
TỔNG CỘNG (I+II+III)		48.736.286	37.549.429	34.337.371	3.212.058	9.861.571	-	11.186.857		

Ghi chú (*) Giao UBND xã phân bổ, giao dự toán chi đối với các khoản chưa phân bổ chi tiết báo đảm kịp thời, tiết kiệm, hiệu quả, tuân thủ đúng quy định của pháp luật, định kỳ báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân và báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp tại kỳ họp gần nhất.

DỰ TOÁN CHI SỰ NGHIỆP: KINH TẾ, MỐTTRƯỜNG, VĂN HÓA THÔNG TIN, THỂ DỤC THỂ THAO, TRUYỀN THANH, Y TẾ VÀ CHI ĐẢM BẢO XÃ HỘI,

(Kèm theo Nghị quyết số 25 /NQ-HĐND ngày 17 tháng 9 năm 2025 của HĐND xã Kbang

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Dự toán giao năm 2025	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		Ghi chú
			Phòng kinh tế	Phòng Văn hoá	
1	Chi hoạt động Y tế, dân số và gia đình	116.512	-	116.512	
-	Phụ cấp và kinh phí hoạt động cho cán bộ y tế thôn, làng	116.512		116.512	
2	Chi hoạt văn hóa thông tin	92.988	-	92.988	
-	Hoạt động văn hóa cấp xã	92.988		92.988	
3	Chi hoạt động truyền thanh	34.720	-	34.720	
-	Chi hoạt động, sửa chữa đài truyền thanh xã; Thuê bao sim các cụm đài	34.720		34.720	
4	Chi hoạt động Thể dục thể thao	104.035	-	104.035	
-	Chi đại hội thể dục thể thao và các hoạt động thể dục, thể thao khác	104.035		104.035	
5	Chi sự nghiệp Bảo vệ môi trường	67.300	67.300	-	
-	Tuyên truyền, vệ sinh môi trường và các hoạt động môi trường khác.....	67.300	67.300		
6	Chi Các hoạt động kinh tế	117.455	117.455	-	
-	Giao thông: Sửa chữa, duy tu bảo dưỡng các tuyến đường GT do xã quản lý, nạo vét mương, cống thoát nước, phát quang các tuyến đường và một số nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật	117.455	117.455		
7	Chi Bảo đảm xã hội	5.636.001	-	5.636.001	
-	Chi cho các đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định 20/2021/NĐ-CP	5.399.000		5.399.000	
-	Chi cứu đói, cứu trợ xã hội và đảm bảo xã hội khác theo quy định của pháp luật	25.001		25.001	
-	Kinh phí hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách	212.000		212.000	
	TỔNG CỘNG	6.169.011	184.755	5.984.256	

DỰ TOÁN CHI VỐN SỰ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

(Kèm theo Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 17 tháng 9 năm 2025 của HĐND xã Kbang

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Dự toán giao năm 2025	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		Chưa phân bổ
			Phòng kinh tế	Phòng Văn hoá	
1	Sự nghiệp môi trường - Xây dựng sạch nông thôn (NTM) Nội dung 05: Giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam; tăng tỷ lệ trồng hoa, cây xanh phân tán gắn với triển khai Đề án trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021 - 2025; tập trung phát triển các mô hình thôn, xóm sáng- xanh, sạch, đẹp, an toàn; khu dân cư kiểu mẫu	70.000	70.000	-	-
2	Sự nghiệp Văn hóa - Nội dung 01: Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở; tăng cường nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa, thể thao nông thôn, gắn với các tổ chức cộng đồng(Chi mua sắm trang thiết bị phục vụ hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao tại các thiết chế văn hóa)" - Nội dung 01: Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu quản lý Chương trình... - Nội dung 04: Đẩy mạnh, đa dạng hình thức thông tin, truyền thông nhằm nâng cao nhận thức, chuyển đổi tư duy của cán bộ, người dân về xây dựng NTM; thực hiện có hiệu quả công tác truyền thông về xây dựng NTM (Hỗ trợ thực hiện các nội dung trong chương trình truyền thông) - Nội dung thành phần số 6. Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn; bảo tồn và phát huy giá trị văn hoá truyền thống theo hướng gắn với PT du lịch Nông thôn. Nội dung 1: Nâng cao hiệu quả hoạt động hoạt động hoạt động thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở; tăng cường nâng cao chất lượng hoạt động văn hoá, thể thao nông thôn, gắn với các tổ chức cộng đồng. Nội dung thực hiện: Đầu tư mua sắm trang thiết bị cho nhà văn hoá các thôn, làng trên địa bàn xã. - Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá giá thực hiện chương trình; nâng cao năng lực, truyền thông XD NTM. Nội dung 11: Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát đánh giá kết quả thực hiện CT; XD hệ thống giám sát đánh giá đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu quản lý CT - Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện chương trình; nâng cao năng lực, truyền thông XD NTM. Nội dung 11: Đẩy mạnh, đa dạng hình thức thông tin, truyền thông nhằm nâng cao nhận thức, chuyển đổi tư duy của CB, người dân về XD NTM; thực hiện có hiệu quả công tác truyền thông về XD NTM	140.036	-	140.036	-
		70.036	-	70.036	
		20.000		20.000	
		20.000		20.000	
		15.000		15.000	
		15.000		15.000	
		210.036	70.000	140.036	-

TỔNG DỰ TOÁN NĂM 2025

10

10

10